

Số: *198* /GCN-BXD

Hà Nội, ngày *07* tháng *10* năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
**(BỔ SUNG)**

*Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Xét hồ sơ đăng ký cấp bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH MTV Lâm Phú Gia Lai và Biên bản đánh giá bổ sung tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 25/9/2021.*

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty TNHH MTV Lâm Phú Gia Lai.

Mã số thuế: 5900959983

Địa chỉ: Số 122 Nguyễn Đường, Phường Ia Kring, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 122 Nguyễn Đường, Phường Ia Kring, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

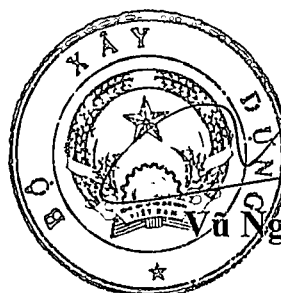
2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1316**

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số 229/GCN-BXD ngày 25/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho Công ty TNHH MTV Lâm Phú Gia Lai và có hiệu lực đến hết ngày 25/3/2024./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH MTV Lâm Phú Gia Lai;
- Sở XD Gia Lai;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



*Vũ Ngọc Anh*

**DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ BỔ SUNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1316**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 198 /GCN-BXD, ngày 07 tháng 10 năm 2021

của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
<b>THỬ NGHIỆM KIM LOẠI</b>		
1	Thử nghiệm nhôm, thanh nhôm Profin, gang, Inox: Xác định kích thước, độ bền kéo, độ giãn dài	TCXDVN 330:04; TCVN 5841:94; JIS G305; ASTM E1086
2	Thử nghiệm tôn, tấm lợp sóng: Xác định khuyết tật ngoại quan, độ bền kéo, dẫn dài	TCVN 8052:09; JIS G3302; JIS H0401; JIS Z2241
3	Thép cốt bê tông dự ứng lực, thép lưới hàn: xác định độ bền kéo, uốn và uốn lại	TCVN 7937:13; TCVN 9391:12; TCVN 6287:97; ASTM A1061
4	Lớp mạ kim loại: Xác định khuyết tật ngoại quan, chiều dày lớp mạ	TCVN 5408:07; ASTM A90; A153
<b>NHỰA BITUM, BÊ TÔNG NHỰA</b>		
5	Xác định chỉ số kim lún PI (theo Phụ lục II, TT 27/2014/TT-BGTVT)	ASTM D5; AASHTO-T49
6	Xác định hàm lượng parafin	TCVN7503:05; EN 12606-1; ASTM D3235
7	Xác định hệ số thấm bê tông nhựa	ASTM PS129
8	Thí nghiệm xác định độ sâu vết hằn bánh xe	AASHTO T324-04; BS 598:11; EN 12697-22; EN12697-33
<b>THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b>		
9	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:12; ASTM D5882:00
10	Thí nghiệm cọc bằng PP biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:16; ASTM D4945:00
11	Xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D1194; AASHTO T235
12	Đo lún công trình	TCVN 9360:12
13	Xác định lực và cường độ kéo nhỏ của thép bulong khoan cấy	TCVN 9490:12; EN 12504-3:05; ASTM C900; ASTM E1512; C234
14	Xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:11
15	Thí nghiệm Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, lượng tách nước	TCVN 11893:17; ASTM D4972; ASTM D4380, D4381
16	Ống công bê tông cốt thép thoát nước: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, khả năng chịu tải	TCVN 9113:12; ASTM C497
17	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ bền uốn nứt thân cọc, độ bền uốn gãy thân cọc, độ bền uốn nứt thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục, khả năng bền cắt thân cọc, độ bền uốn mỗi nối cọc	TCVN 7888:14
<b>THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG</b>		
18	Xác định độ bền va đập bi rơi và va đập con lăn	TCVN 7368:04
19	Xác định độ bền nhiệt	TCVN 7364-4:04
20	Xác định dung sai và chiều dày kính	TCVN 7219:04
<b>THỬ NGHIỆM ỐNG NƯỚC</b>		
21	Xác định chiều dài, độ dày, đường kính trung bình trong và ngoài	TCVN 6145:07
22	Xác định độ bền chịu áp suất thủy tĩnh bên trong ống	TCVN 6149:07



5

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
<b>THỬ NGHIỆM GẠCH ÓP LÁT</b>		
23	Sai lệch kích thước, hình dáng và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:05
24	Xác định độ hút nước và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:05
25	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6415-4:05
<b>PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG</b>		
26	Phụ gia hóa học cho bê tông: Xác định độ pH, tỷ trọng, hàm lượng chất khô, khả năng giảm nước so với mẫu đối chứng, thời gian đông kết so với mẫu đối chứng, cường độ nén, uốn so với mẫu đối chứng, ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở	TCVN 8826:11; AASHTO M194; ASTM C494; EN 480
<b>THÍ NGHIỆM DÂY ĐIỆN, DÂY CÁP ĐIỆN, DÂY TÍN HIỆU</b>		
27	Dây điện, dây tín hiệu: Đường kính sợi đồng, tiết diện sợi đồng, chiều dày lớp cách điện, vỏ bọc, điện trở dây dẫn, khả năng chống cháy, thử kéo dây	TCVN 6614:08; TCVN 6099:07; TCVN 6610:14; TCVN 5935:13
28	Ruột dẫn dây cáp điện: Kiểm tra số sợi, tiết diện mặt cắt danh nghĩa, độ bền kéo	TCVN 6612:07
<b>THÍ NGHIỆM SƠN VECNI</b>		
29	Xác định độ mịn	TCVN 2091:15
30	Xác định thời gian chảy, độ nhớt	TCVN 2092:13
31	Xác định độ phủ sơn	TCVN 2095:93
32	Xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:12
33	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096:15
34	Xác định độ bám dính của màng, cường độ bám dính	TCVN 2097:15; ASTM D4541:17
35	Xác định độ cứng của màng	TCVN 2098:15
36	Xác định độ bền uốn của màng sơn	TCVN 2099:13
37	Xác định độ bền va đập của màng sơn	TCVN 2100:13
38	Xác định độ bóng của màng sơn	TCVN 2101:16
39	Xác định màu sắc	TCVN 2102:08
40	Sơn kẻ đường nhiệt dẻo, sơn phản quang: Xác định chất tạo màng, phân loại hạt và hàm lượng hạt thủy tinh, độ phát sáng, xác định độ bền nhiệt, độ mài mòn, độ kháng chảy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng sơn	TCVN 8791:18; ASTM D6628
41	Sơn tường - Sơn nhũ tương: Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn, độ bền nước của màng sơn, độ bền rửa trôi, chu kỳ nóng lạnh, độ bền kiềm, hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 8653:12
42	Sơn tín hiệu giao thông, sơn vạch đường hệ nước: Xác định độ mịn, độ phát sáng, độ bền rửa trôi, độ chống loang màu, độ bền va đập, độ chịu dầu, độ chịu muối, chịu kiềm, độ phản quang, mài mòn	TCVN 8786:11
43	Sơn tín hiệu giao thông - Bi thủy tinh dùng cho vạch kẻ đường: Xác định độ tròn của bi, phân cấp hạt, chỉ số khúc xạ, đặc tính chảy	TCVN 9880:13

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.